



Phát huy tinh thần của Phật giáo trong xây dựng văn hoá, con người Việt Nam ở kỷ nguyên mới

ISSN: 2734-9195 09:03 25/08/2025

Phát huy tinh thần Phật giáo trong xây dựng văn hóa và con người Việt Nam đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa kế thừa và đổi mới: kế thừa những giá trị đạo đức, triết lý sống đã được chứng nghiệm qua lịch sử; đồng thời đổi mới nội dung, phương thức truyền tải để phù hợp với đặc điểm xã hội hiện đại.

Tác giả: **TS. Thích Thanh Điện***

Tóm tắt: Trong quá trình dựng nước và giữ nước, Phật giáo là một trong những tôn giáo gắn bó mật thiết, bền bỉ nhất với các Nhà nước và Nhân dân. Ở thời kỳ cận và hiện đại, có thể thấy các cuộc chiến tranh, trong đó có hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ, thành công phần nhiều là do sức mạnh nội sinh mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam.

Kế thừa, phát huy truyền thống, phẩm chất con người Việt Nam qua mỗi thời kỳ đều vô cùng quan trọng.

Bài viết phân tích vai trò của tư tưởng Phật giáo Việt Nam trong **xây dựng văn hóa**, con người Việt Nam góp phần hình thành, phát huy ý chí độc lập và thành công của cuộc chiến tranh vệ quốc qua các thời kỳ lịch sử; chỉ ra một số yêu cầu và định hướng trong xây dựng văn hoá và con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới từ góc độ triết lý Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: Phật giáo Việt Nam; Văn hoá con người; vai trò của Phật giáo; kỷ nguyên mới.

Dẫn nhập

Phát triển văn hóa là một yếu tố khách quan của sự vận động của lĩnh vực văn hóa nhằm đem tới sự biến đổi giá trị và hệ giá trị nhằm vươn tới cái đẹp hơn cho cuộc sống của con người[1]. Lịch sử dân tộc Việt Nam đã chứng minh, chính những trầm tích văn hóa kết tinh ở hệ giá trị đã tạo nên sức mạnh nội sinh, giúp

dân tộc ta giành được những thắng lợi trong quá trình dựng nước và giữ nước[2].

Trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, đất nước ta vẫn duy trì được bản sắc dân tộc riêng, vẫn giữ được cương vực, lãnh thổ phần nhiều là do sức mạnh nội tại bền bỉ của mỗi người dân Việt Nam. Ý chí kiên cường, bất khuất, tình yêu nước, yêu dân tộc chính là văn hóa đặc trưng của dân tộc Việt Nam – văn hóa yêu nước. Yếu tố tinh thần ấy được nuôi dưỡng trong mỗi người Việt từ không gian văn hóa nơi con người sinh ra, lớn lên, từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần.

Có thể khẳng định, nếu không có sự kiên cường, đoàn kết và đạo đức của con người Việt Nam trong đặc trưng văn hoá của người Việt được truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, thì trải qua bao nhiêu thời đại với chiến tranh xâm lược, thiên tai, chống phá của thế lực thù địch..., không thể có một Việt Nam thống nhất, giàu mạnh, hướng tới hùng cường như hiện nay.

Tất cả những thành tựu ấy không thể không kể đến đóng góp của Phật giáo Việt Nam, bởi bên cạnh pháp luật, đạo đức thì tôn giáo là một trong ba trụ cột để một đất nước phát triển bền vững, mà Phật giáo là tôn giáo hoà bình, ảnh hưởng sâu sắc tới văn hoá, con người Việt Nam. Nghiên cứu về những đóng góp của Phật giáo trong xây dựng văn hoá và con người Việt Nam từ trong lịch sử đến nay là cần thiết và có giá trị lý luận, thực tiễn trong việc định hướng các chính sách phát triển của Phật giáo Việt Nam trong thời gian tới. Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử, logic, so sánh, phân tích – tổng hợp, kết hợp giáo lý Phật giáo với quan điểm của Đảng để đưa ra một số định hướng phù hợp.



Nội dung nghiên cứu và trao đổi

Vai trò của tư tưởng Phật giáo Việt Nam trong xây dựng văn hóa, con người Việt Nam góp phần hình thành, phát huy ý chí độc lập và thành công của các cuộc chiến tranh vệ quốc

Phật giáo Việt Nam từ thời mới du nhập vào đã có những triết lý phù hợp và luôn đồng hành cùng con đường xây dựng, gìn giữ và phát triển đất nước ở mọi thời kỳ. Trong đó, nhìn chung từ khi du nhập đến các cuộc chiến tranh vệ quốc chống Pháp, chống Mỹ..., sự ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến xây dựng văn hóa, con người thể hiện ở một số điểm sau:

Thứ nhất, tư tưởng về hạnh nguyện của tu sĩ, Phật tử Phật giáo đã góp phần nuôi dưỡng sức mạnh ý chí bền bỉ của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước. Triết lý Phật giáo nói chung và triết lý của Phật giáo Việt Nam coi trọng yếu tố "*hạnh*". Hạnh là lối sống, là cách cư xử, là cung cách thể hiện tính người, thể hiện ý chí riêng của từng người, từng dân tộc trong việc đối phó với tự nhiên và xã hội, đối phó với nhu cầu cá nhân và đòi hỏi của tập thể.

Đánh mất hạnh là đánh mất văn hóa, đánh mất ý chí tự tôn[3]. Trong lịch sử Phật giáo, sự xuất thế của Phật hay của các vị Bồ tát đều đi kèm với hạnh nguyện. Trong nguyện thứ tư: "*Nguyện sống đời đạo hạnh*" của đức Phật, Ngài đã dạy cho các Phật tử tinh thần sống đời đạo hạnh, giữ gìn giới luật và đạo đức kiên cố, trước sự thay đổi của hoàn cảnh, người con Phật không dễ dàng bị khuất phục và thay đổi thiện ý, thay đổi chí hướng trong suốt cuộc đời. Kinh Pháp Cú (câu 95) có dạy về phẩm hạnh của vị A La Hán:

"Đất kia cau mặt bao giờ?"

Trụ đồng kiên cố ao hồ lặng thình!

Sa-môn tâm ý quân bình

Lang thang vô định, tái sinh nào còn?" (TT Giới Đức dịch)[4]

Có thể hiểu, người giữ tâm quân bình, có nếp sống kỷ cương, người ấy như trụ đồng, như ao phẳng lặng, không bị bùn đất làm nhơ bẩn, nên không còn lặp lại những cuộc lang thang bất định của đời sống. Cũng chính vì tư tưởng triết lý kiên cố, kiên định như vậy, mà Phật giáo đã góp phần khích lệ, duy trì văn hóa, ý chí bền bỉ, không khuất phục, không hòa tan trước những biến đổi của thời cuộc hay sự đồng hóa văn hóa của hàng nghìn năm Bắc thuộc. Trải qua mấy

nghìn năm dựng nước, phần nhiều thời gian ấy nước ta phải đối mặt với những cuộc chiến để giữ nước, nhưng nhân dân Đại Việt vẫn luôn giữ được tinh thần vệ quốc, kiên trì bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, tạo ra một bề dày văn hóa yêu nước, văn hóa đề cao ý chí vệ quốc, sẵn sàng hy sinh mình để bảo vệ Tổ quốc, như một người tu hành luôn trân quý và giữ gìn hạnh nguyện tu hành của Phật tử vậy.

Thứ hai, lý tưởng Bồ tát của Phật tử Việt Nam là nền tảng của tinh thần nhập thế trong đạo Phật, góp phần xây dựng con người Việt Nam yêu nước, có trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp trí tuệ xây dựng đất nước, thậm chí hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, dân tộc, vì lợi ích cộng đồng. Nhà Phật luôn gắn tính “Từ”, “Bi”, “vô ngã”, “hỷ”, “xả” với hình ảnh của Bồ tát. “*Từ năng dữ lạc, Bi năng bạt khổ*” (đức từ mang đến mọi điều vui, đức bi cứu vớt chúng sinh thoát ly các điều khổ). Như vậy, cần phải nhìn nhận tâm Bồ tát ở phạm vi rộng, nghĩa là không chỉ Phật tử mới có thể là Bồ tát, mà bất cứ người nào có lòng từ, bi, bác ái, bình đẳng... mặc dù có thể không biết về giáo lý nhà Phật hay không biết về chú nguyện thành Phật, đều là các vị Bồ tát đem lòng bi ra cứu khổ chúng sinh.

Trong ba hạng Bồ tát[5], Tinh tấn Bồ tát là những vị Bồ tát luôn tìm cơ hội để phục vụ người khác. Đối với các Ngài, “*làm việc là hạnh phúc và hạnh phúc là làm việc*”, Bồ tát không chỉ sống cho riêng mình mà còn sống cho người khác, thậm chí là quên mình trong khi phục vụ, có khi phải hy sinh mạng sống của mình để cứu mạng chúng sinh. “*Tâm Bi của Bồ tát nhằm thực hiện tính cách bình đẳng giữa Ngài và người khác và cũng đặt mình trong kẻ khác*”[6]. Lục độ tập kinh có dạy: “*Bồ tát thấy dân kêu ca, do vậy gạt lệ, xông mình vào nơi chính trị hà khắc để cứu dân khỏi nạn lầm than*”[7].

Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam với sự truyền bá tư tưởng của dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi và sau đó là thiền phái Vô Ngôn Thông, sau đó là tự tiếp biến, phát triển của hệ thống giáo lý Phật giáo Việt Nam, Phật giáo đã luôn thể hiện rõ và làm sinh động hơn tinh thần yêu nước và văn hóa, đạo đức của người Việt. “*Có thể nói, với hệ thống giáo lý cao siêu nhưng lại rất gần gũi với con người Phật giáo và hình ảnh Đức Phật không chỉ là đối tượng của tín ngưỡng tôn giáo nữa, mà đã dần nhập vào tâm hồn, tình cảm của mọi tầng lớp cư dân*”[8].

Lịch sử Phật giáo ghi nhận tinh thần nhập thế của Tăng, Ni, Phật tử góp sức vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ thời nhà Đinh, thiền sư Ngô Chân Lưu được ban hiệu Khuông Việt Đại sư và được triều đình phong làm Tăng thống, được vua Đinh Tiên Hoàng mời về kinh hỏi chuyện ngay sau khi mới lên ngôi và dựng kinh đô ở Hoa Lư, bên cạnh hệ thống tăng lục và các quan chức trung ương đóng góp trí tuệ vào việc điều hành đất nước. Đến thời nhà Lê, vua

Lê Đại Hành cũng tham vấn các bậc cao tăng Phật giáo như Khuông Việt Đại sư, thiền sư Pháp Thuận, thiền sư Ma Ha và thiền sư Vạn Hạnh...

Tiếp nối lịch sử Phật giáo từ cuối thời tiền Lê, các vị thiền sư của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi tiếp tục góp phần xây dựng triều đại tiếp theo – triều đại nhà Lý. Phật giáo vẫn giữ nguyên hệ thống tư tưởng từ trước đó, với tinh thần nhập thế hộ quốc. Trong đó, *“tư tưởng Bát nhã, Tam luận và Hoa Nghiêm là tư tưởng trung tâm của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi có khuynh hướng nhập thế giúp dân...[9]”*. Trước sự suy tàn của nhà tiền Lê, thiền sư Vạn Hạnh với tinh thần nhập thế, yêu nước đã góp phần tạo dựng lên sự khởi đầu của triều đại nhà Lý. Với trí tuệ và tầm nhìn của mình, thiền sư Vạn Hạnh đã đưa Lý Công Uẩn lên ngôi qua một loạt các sự kiện được chính sử ghi lại. *“Sau khi lên ngôi, Lý Thái Tổ nhiều lần vời sư về kinh thỉnh vấn yếu chỉ của Thiền tông, ân lễ tiếp đãi trọng hậu, các việc chính trị triều đình đều mời sư dự bàn định đoạt[10]”*.

Đến thời Trần, các nhà vua thừa hưởng những tinh hoa giáo dục tôn giáo từ truyền thống tu học của nhà Lý, đã có nhiều vị vua xuất gia, các nhà lãnh đạo là những bậc trí nhân có học vấn, có trí tuệ. Tinh thần nhập thế của Phật giáo thời Lý, Trần thể hiện rõ ràng qua một loạt hệ thống quan điểm giữa đạo và đời, quan điểm tùy duyên của các nhà sư. Nếu như thiền sư Vạn Hạnh thời Lý hành đạo với triết lý: *“Làm thì làm, nhưng không mắc kẹt vào công việc, không nương tựa vào hữu vi[11]”*, thì thời Trần cũng với tinh thần *“hòa quang đồng trần”*, sống hòa vào thế tục, tùy duyên mà hành động phù hợp với đạo đức, giáo lý Phật dạy.

Từ những hình tượng đó, lịch sử đã ghi lại những chiến công hiển hách của các Phật tử mang tâm Bồ tát như Trần Hưng Đạo, Hồ Chí Minh..., hay những trang sử về những Nhà sư, Phật tử như 27 nhà sư trong *“Đội nghĩa sĩ Phật tử”* chùa Cổ Lễ, Nam Định cởi áo cà sa khoác chiến bào, bái biệt cửa Phật để trở thành những chiến sĩ Vệ quốc đoàn trong *“Đội nghĩa sĩ Phật tử”* với ước nguyện:

*“Cởi áo cà sa, khoác chiến bào
Tuốt gươm, cầm súng dẹp binh đao
Ra đi quyết rửa thù đất nước
Vì nghĩa quên thân hiến máu đào”;*

10 Nhà sư hy sinh vì Tổ quốc với 8 Nhà sư được truy tặng danh hiệu liệt sĩ ở Hải Phòng, trong đó, các Tăng, Ni, Phật tử trẻ tuổi chùa Thắng Phúc xung phong vào các đội du kích địa phương, các vị Sư tuổi cao bám trụ các chùa trong vùng và lập thành Hội Tăng già cứu quốc để nuôi giấu cán bộ, tham gia kháng chiến; Hòa thượng Thích Nguyên Uyển, Hòa thượng Thích Thanh Lăng, Nhà sư – Liệt sĩ Thích Thanh Dũng; Nhà sư – Liệt sĩ Thích Đàm Hiền... bị thực dân Pháp bắt, tra

tấn rồi sát hại khi tham gia Cách mạng, giấu thông tin chiến sĩ và cất giữ tài liệu những năm 1951 – 1952 nhưng quyết không để mất chí khí cách mạng;

Nhiều Nhà sư – Liệt sĩ vị quốc vong thân khi tham gia kháng chiến chống Mỹ như Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu năm 1963 thắp lên ngọn lửa tiếp bước hào khí của các bậc Tăng tài Phật giáo đấu tranh vì nền hòa bình và độc lập của dân tộc; Nhà sư - Liệt sĩ ACHAR SON THAL; Bốn nhà sư - Liệt sĩ người Khmer... hy sinh những năm 1973 – 1974 khi tham gia kháng chiến...[12]. Đến thời hiện đại, chúng ta vẫn thấy những hình ảnh các nhà sư, Phật tử làm các “chiến sĩ” xông pha vào mặt trận chống đại dịch COVID-19 hay cùng quân, dân đến những vùng bị thiên tai cứu khổ...

Những hình ảnh và dấu mốc lịch sử trên đã truyền tải và hun đúc truyền thống văn hóa, lòng yêu nước, trách nhiệm cộng đồng qua bao nhiêu thế hệ con người Việt ở những thời kỳ khác nhau.

Thứ ba, tinh thần hòa hợp tăng chúng và tinh thần vô ngã của Phật giáo đã góp phần lớn trong đoàn kết toàn dân, đưa quân, dân Việt Nam bước qua mọi khó khăn, gian khổ, xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất. Ở thời kỳ cực thịnh của Phật giáo thời Lý Trần, Phật giáo được đánh giá là có vai trò và ảnh hưởng lớn tới công cuộc bảo vệ đất nước:

“Vào thế kỷ 13-14 nước ta phải đương đầu với sự đe dọa của quân xâm lược, không gì hơn vua Trần Nhân Tông phải củng cố lòng dân bằng niềm tin tôn giáo, vì tôn giáo là sản phẩm của tập thể, là kết tinh tinh thần của xã hội nhưng Đại Việt lúc bấy giờ có 3 tôn giáo, cần phải chọn một. Khổng giáo hay Nho giáo bắt nguồn từ Trung Hoa, nếu vua chọn thì lại sợ ý thức hệ dân tộc sẽ dần dần mất gốc. Phật giáo tuy của Ấn Độ nhưng không chủ trương cố chấp, biến tinh thần vô ngã – vị tha thành hành động Bồ-tát, lấy lý tưởng từ bi để phụng sự cho con người. Một tôn giáo tốt như vậy không dùng không được[13]”. Từ tinh thần đoàn kết, hòa hợp tăng chúng của Phật Giáo, “Phật giáo đã có những đóng góp cả về mặt nhân sự cũng như cơ sở lý luận để hội tụ sức mạnh nhân dân trong công cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước ở giai đoạn lịch sử đầy biến động này[14]”.

Chính sách thân dân có phần ảnh hưởng từ tư tưởng Phật giáo của thời đại Lý, Trần và đặc biệt là thời đại nhà Trần đã đi ngược lại với chính sách trị dân hà khắc của tư tưởng bảo thủ cũ, ảnh hưởng đến cả tư tưởng và văn hoá trị nước của các vị lãnh đạo quốc gia: “Quốc sư Viên Chứng đã nói rõ về những nguyên tắc hướng dẫn đời sống của một nhà chính trị Phật tử: “Đã làm người phụng sự dân thì phải lấy cái muốn của dân làm của mình, phải lấy ý của dân làm của mình, trong khi đó không xao nhãng việc tu học của bản thân”[15].

Vua Lý Thái Tông chủ trương khoan thư sức dân, đối với người không có ruộng đất thì không thu thuế: Năm 1242, vua Trần Thái Tông ban hành chính sách *“Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có 1, 2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền, có 3, 3 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc[16]”*. Ngoài ra Đại Việt sử ký toàn thư còn ghi lại nhiều lần vua xuống chiếu miễn, giảm tô thuế cho nhân dân. Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn chủ trương: *“Khoan thư sức dân, làm kế sâu rễ bền gốc là thượng sách giữ nước”*. Những chính sách này cho thấy không chỉ với nhân dân, mà với các vị vua, quan, tướng lĩnh nhiều thời cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo Phật trong triết lý, đạo đức trị quốc, an dân.

Tinh thần hòa hợp tăng chúng, thân dân và tinh thần vô ngã của Phật giáo Việt Nam đã trở thành những giá trị cốt lõi góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua các thời kỳ lịch sử. Từ truyền thống *“lục hòa cộng trụ”* trong Tăng đoàn, Phật giáo đề cao sự đồng thuận, tôn trọng lẫn nhau, cùng hướng về mục tiêu cao cả. Đây chính là tiền đề tư tưởng cho tinh thần đoàn kết, gắn bó trong nội bộ và lan tỏa ra toàn xã hội. Bên cạnh đó, tinh thần thân dân, gần bó, đồng hành cùng nhân dân khiến các nhà sư, Phật tử luôn hiện diện giữa đời sống thường nhật, chia sẻ, cảm thông và hành động vì lợi ích cộng đồng.

Tinh thần vô ngã, không vị kỷ, không đặt cái tôi lên trên tập thể cũng hun đúc nên lớp lớp con người biết hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Trong các cuộc kháng chiến giữ nước, tinh thần Phật giáo ấy đã thể hiện rõ nét qua hình ảnh những vị sư gấp khoác áo nâu khoác chiến bào, mang tâm thế của người lính, đồng cam cộng khổ cùng nhân dân. Chính nhờ sự dung hợp giữa đạo và đời ấy, Phật giáo Việt Nam đã góp phần tích cực vào việc gắn kết mọi tầng lớp nhân dân, làm nên sức mạnh tổng hợp đưa đất nước vượt qua chiến tranh, bước vào thời kỳ hòa bình, thống nhất và phát triển. Từ đó, có thể thấy truyền thống đoàn kết, tinh thần cống hiến trong văn hóa, đạo đức người Việt đã đi vào tiềm thức, trải qua nhiều thế hệ vẫn luôn được nuôi dưỡng trong con người Việt Nam.

Thứ tư, các giáo lý Phật giáo góp phần hình thành và nuôi dưỡng lòng nhân hậu, nhân ái, nhân văn, chân thành, trung tín, hiếu nghĩa, sẻ chia của con người Việt Nam. Từ các giáo lý căn bản của nhà Phật như ngũ giới (không sát sinh; không trộm cắp; không tà dâm; không nói dối; không chìm đắm chất kích thích), các chuẩn mực của giới Phật tử tại gia..., cho đến tinh thần Lục độ Ba La Mật (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ) hay các giáo lý siêu xuất khác, đều là các giáo lý thấm nhuần vào trong từng hành động, từng quan điểm về đạo đức của đa số người dân Việt Nam. Đây cũng là cốt lõi của hạnh Bồ Tát,

hướng con người đến đời sống vị tha, trí tuệ và giải thoát.

Khi truyền vào Việt Nam, Lục độ không chỉ là giáo lý tôn giáo mà còn hòa nhập sâu vào đạo lý dân tộc, góp phần bồi đắp các phẩm chất nhân hậu, nhân ái, nhân văn của người Việt. Bồ thí, theo lời Phật dạy *“Bồ thí không cầu báo, lòng từ trải khắp”* hun đúc truyền thống *“lá lành đùm lá rách”*, thể hiện rõ trong những hoạt động cứu trợ thiên tai, giúp đỡ người nghèo. Trì giới và rèn luyện đức trung tín, giữ chữ tín trong giao tiếp và lối sống: *“Một lần bất tín, vạn lần bất tin”*. Nhẫn nhục, như Kinh Pháp Cú dạy *“Lấy nhẫn nhục làm áo giáp”*, giúp người Việt biết nhường nhịn, giữ hòa khí, vượt qua những biến động lịch sử đầy thử thách. Tinh tấn gắn liền với ý chí quật cường chống giặc ngoại xâm, như thời Trần, tinh thần *“dốc lòng vì nước”* của các vị thiền sư, tướng lĩnh Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang...

Thiền định rèn luyện sự điềm tĩnh, sáng suốt, góp phần hình thành phong thái ung dung, khoan hòa của người Việt trong ứng xử. Trí tuệ, được xem là *“ngọn đèn soi đường”* trong Phật pháp, giúp con người phân biệt thiện - ác, đúng - sai, từ đó hành xử nhân văn, nghĩa tình. Qua nhiều thời đại, các giá trị của Lục độ Ba La Mật đã hòa vào ca dao, tục ngữ, vào những tấm gương nghĩa hiệp, bao dung trong lịch sử, trở thành một phần căn cốt của bản sắc văn hóa Việt vốn đề cao lòng nhân ái, sự chân thành, trung tín và tinh thần sẻ chia.

Một trong những biểu hiện dễ thấy nhất là hoạt động từ thiện của Phật tử Phật giáo. Mỗi khi đất nước, con người gặp cảnh khổ như thiên tai, bệnh dịch, không những đối với cảnh khổ trong nước, mà còn diễn ra trên khắp thế giới, Phật giáo đều được nhắc đến cùng với hình ảnh tốt đẹp của truyền thống Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Hoạt động từ thiện không chỉ là sự thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ cứu nạn của tín đồ Phật giáo mà còn là một biểu hiện quan trọng chức năng hỗ trợ xã hội của Phật giáo.

Ở đây, chức năng này của tôn giáo không chỉ dừng lại ở sự giúp đỡ con người bằng các liệu pháp tinh thần, mà còn biểu hiện thông qua những hành động mang tính thực tiễn, nổi bật là sự hỗ trợ vật chất trong hoạt động hành đạo, góp phần trong công tác an sinh xã hội. Phật giáo đã cung cấp cho xã hội một nguồn vốn quan trọng, đồng hành cùng Nhà nước và các tổ chức khác trong các hoạt động từ thiện để hỗ trợ người dân, góp phần quan trọng trong công tác an sinh xã hội; bởi lẽ không phải tất cả mọi công việc của xã hội, Nhà nước đều có thể đảm đương gánh vác[17].



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

Xây dựng văn hóa, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Vấn đề văn hoá và con người ở Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức. Trong đó nguy cơ suy giảm đạo đức, thực dụng hóa trong xã hội hiện đại đã và đang là nguy cơ gây suy yếu sức mạnh nội sinh của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhịp sống gấp gáp, áp lực cạnh tranh và ảnh hưởng của lối sống tiêu dùng đã dẫn đến xu hướng thực dụng, đề cao lợi ích cá nhân, coi nhẹ chuẩn mực đạo đức. Một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên thiếu định hướng giá trị, dễ bị cuốn theo các trào lưu văn hóa lệch chuẩn, từ đó làm xói mòn những phẩm chất nhân ái, khoan dung, nghĩa tình vốn là điểm mạnh trong bản sắc văn hóa Việt Nam. Đây là nguy cơ hiện hữu, đòi hỏi phải khơi dậy và lan tỏa các giá trị đạo đức Phật giáo như từ bi, hỷ xả, chính niệm, trí tuệ để cân bằng đời sống vật chất và tinh thần.

Bên cạnh đó, việc hạn chế trong nhận thức và ứng dụng giá trị Phật giáo trong đời sống xã hội của bộ phận không nhỏ Phật tử cũng dẫn đến suy yếu ảnh hưởng sức mạnh tinh thần của Phật giáo với văn hoá và con người hiện đại. Mặc dù Phật giáo đã gắn bó lâu đời với dân tộc, song trong xã hội hiện đại, việc tiếp cận giáo lý Phật giáo của một bộ phận người dân còn mang tính hình thức, thiên về nghi lễ, chưa đi sâu vào bản chất nhân văn và triết lý sống. Hoạt động hoằng pháp đôi khi còn nặng về truyền thống, chưa khai thác hiệu quả các phương tiện truyền thông mới, chưa tạo sức hấp dẫn cho giới trẻ. Điều này khiến giá trị

đạo đức và tinh thần của Phật giáo chưa phát huy hết vai trò trong việc xây dựng nhân cách con người thời kỳ mới.

Bản sắc văn hóa không phải là điều sẵn có từ khi sinh ra, cũng không phải món quà ngẫu nhiên do ai đó ban tặng, mà là kết tinh của những giá trị thiêng liêng và cao đẹp được cộng đồng người bồi đắp, gìn giữ qua tiến trình lịch sử lâu dài. Trong hành trình dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã nhiều lần phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, đương đầu với các thế lực xâm lược, và kiên cường trước sự cưỡng chế, đồng hóa văn hóa từ bên ngoài. Chính trong hoàn cảnh ấy, nền văn hóa Việt Nam với sự đa dạng của các dân tộc và vùng miền đã từng bước khẳng định những dấu ấn đặc trưng, tạo nên sự thống nhất bền vững và không ngừng phát triển. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII năm 1998 *“Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”* đã chỉ rõ: đặc điểm của nền văn hóa mà đất nước ta đang xây dựng là *“nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*.

Theo đó, bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị truyền thống tốt đẹp, bền vững và những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử, kết tinh thành 5 giá trị cốt lõi: *“lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”*. Nghị quyết số 33/NQ-TW, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014) xác định: *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”*.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nền văn hóa dân tộc chịu tác động mạnh mẽ từ sự giao thoa và xâm nhập của các luồng văn hóa ngoại lai. Điều đó đặt ra yêu cầu khách quan phải bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trên tinh thần *“hòa nhập nhưng không hòa tan”*. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0) đã mang đến những công nghệ số hiện đại, giúp tái hiện, lưu trữ và truyền thông về các giá trị văn hóa dân gian. Tuy nhiên, bảo vệ bản sắc văn hóa, quyền sáng tạo và quyền làm chủ văn hóa của nhân dân, của quốc gia, tức bảo đảm an ninh văn hóa chỉ có thể thực hiện được khi con người chủ động chọn lọc, tiếp thu và định hướng đúng đắn. Đặc biệt, trong bối cảnh công nghệ trí tuệ nhân tạo phát triển bùng nổ, nếu thiếu cơ chế kiểm soát và điều chỉnh phù hợp, nguy cơ làm sai lệch bản sắc văn hóa, biến dạng hoặc đánh mất các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc sẽ trở thành hiện thực nhãn tiền.

Do đó, trong yêu cầu về xây dựng, phát huy văn hoá và con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới, cần phải chú ý một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, con người Việt Nam kỷ nguyên mới cần “*số hóa*” nhưng phải giàu nhân văn. Không chỉ phát triển toàn diện về trí lực, đạo đức, thể chất và thẩm mỹ, con người Việt Nam thời kỳ mới cần được trang bị năng lực số, tư duy đổi mới sáng tạo, kỹ năng học tập suốt đời và khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường công nghệ cao. Tuy nhiên, sự phát triển này phải gắn liền với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đề cao các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân toàn cầu.

Thứ hai, cần định hình hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Hệ giá trị không chỉ bao gồm lòng yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết và cần cù sáng tạo, mà còn bổ sung năng lực hội nhập quốc tế, khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, và tinh thần tôn trọng sự đa dạng, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường. Đây là nền tảng để người Việt vừa vững vàng về bản sắc, vừa đủ năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế.

Thứ ba, cần xây dựng môi trường văn hóa an toàn, sáng tạo và minh bạch. Môi trường văn hóa không chỉ dừng ở các thiết chế văn hóa truyền thống mà cần mở rộng sang không gian mạng, bảo đảm tính lành mạnh, an toàn thông tin, chống lại các biểu hiện lệch chuẩn, xuyên tạc giá trị văn hóa. Đồng thời, cần tạo điều kiện để các cá nhân và cộng đồng được tham gia sáng tạo văn hóa, tiếp cận bình đẳng với các sản phẩm và dịch vụ văn hóa chất lượng cao.

Thứ tư, cần gắn văn hóa với phát triển bền vững và chuyển đổi xanh. Văn hóa cần được coi là động lực tinh thần của phát triển bền vững, góp phần định hình lối sống xanh, tiêu dùng bền vững, tôn trọng thiên nhiên và phát huy tri thức bản địa trong thích ứng biến đổi khí hậu. Đây là yêu cầu mới để văn hóa trở thành “*sức mạnh mềm*” hỗ trợ mục tiêu phát triển kinh tế xanh và xã hội xanh.

Thứ năm, cần phát huy vai trò của văn hóa trong bảo vệ độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và xung đột thông tin, văn hóa là “*lá chắn mềm*” chống lại các hoạt động xâm nhập, đồng hóa, phá hoại nền tảng tư tưởng. Cần tăng cường giáo dục lịch sử, truyền thống, nâng cao sức đề kháng văn hóa của mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ, trước những luồng thông tin sai lệch và sản phẩm văn hóa độc hại.

Thứ sáu, cần kết nối văn hóa Việt Nam với dòng chảy văn hóa thế giới. Chủ động quảng bá giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới thông qua các nền tảng số, ngoại giao văn hóa, hợp tác sáng tạo; đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm nguyên tắc “*hòa nhập nhưng không hòa tan*”, “*hiện*

đại nhưng không đánh mất cội nguồn”.

Định hướng tư tưởng Phật giáo trong xây dựng xã hội nhân sinh hiện nay

Trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của kỷ nguyên số, việc phát huy tinh thần Phật giáo trong xây dựng văn hóa và con người Việt Nam cần được thực hiện trên cơ sở kế thừa giá trị truyền thống, đồng thời đổi mới phương thức truyền tải để phù hợp với bối cảnh mới. Trong đó cần lưu ý một số định hướng trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, cần lồng ghép giá trị Phật giáo vào giáo dục đạo đức và nhân cách con người Việt Nam kỷ nguyên mới. Tinh thần từ bi, hỷ xả, vô ngã, trí tuệ, chính niệm của Phật giáo cần được đưa vào hoạt động giáo dục một cách linh hoạt và hiện đại.

Thứ hai, cần kết hợp hài hòa giữa đạo đức truyền thống và yêu cầu của xã hội hiện đại. Bên cạnh việc giữ gìn tinh thần Phật giáo truyền thống trong việc khuyến tấn Tăng, Ni, Phật tử sống tốt đời, đẹp đạo, tu hành chân chính, nghiêm mật, hướng tới giải thoát và hoá độ chúng sinh, cần vận dụng tư tưởng Phật giáo vào giải quyết những vấn đề, hành vi đạo đức căn bản của thời đại như bảo vệ môi trường, tiêu dùng bền vững, an toàn thông tin, ứng xử văn minh trên mạng xã hội... Sự kết hợp này vừa bảo tồn giá trị cổ truyền, vừa mở rộng nội hàm đạo đức để đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội số và hội nhập toàn cầu.

Thứ ba, cần nâng cao vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các thiết chế văn hóa Phật giáo trong bảo tồn, phát triển văn hoá và làm sâu sắc hơn tâm trí của con người thế hệ mới. Giáo hội Phật giáo cần tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo trong việc định hướng hoạt động tôn giáo gắn với lợi ích dân tộc, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội trong công tác hoằng pháp, truyền bá giáo lý bằng hình thức gần gũi, dễ tiếp nhận. Các thiết chế văn hóa truyền thống như bảo tàng, thư viện, trung tâm văn hóa, nhà văn hóa cộng đồng... gắn với hình ảnh của Phật giáo cần phải được phát triển theo những định hướng sáng tạo, mới mẻ hơn để nâng cao hiệu lực truyền bá tư tưởng tốt đẹp của Phật giáo đến cộng đồng.

Thứ tư, cần khuyến khích sáng tạo văn hóa, nghệ thuật mang tinh thần Phật giáo. Có thể thấy, từ khi truyền bá vào Việt Nam, chư Tổ đã vận dụng sáng tạo văn hoá, nghệ thuật bản địa để thông qua đó truyền tải các giáo lý Phật giáo, cho đến nay vẫn để lại các tác phẩm nghệ thuật chèo, tuồng, cải lương, hát văn... hay các tác phẩm vật chất như tranh, ảnh, tượng pháp, phù điêu, hoa văn

nghệ thuật mang đậm dấu ấn Phật giáo và gắn liền với các trâm tích văn hoá Đại Việt. Do đó, ở thời đại mới, Phật giáo cần phát huy sáng tạo các tác phẩm văn học, âm nhạc, mỹ thuật, điện ảnh phù hợp với thị hiếu mới, lấy cảm hứng từ triết lý Phật giáo, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn, lòng vị tha và tinh thần hướng thiện, nhất là đến với giới trẻ.

Thứ năm, cần tích cực phát huy việc gắn tinh thần Phật giáo với phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hoạt động cơ quan quản lý văn hoá có thẩm quyền. Phát huy các giá trị “tốt đời, đẹp đạo” trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” và các hoạt động thiện nguyện đã được Giáo hội Phật giáo thực hiện tích cực trong những năm qua và đạt những kết quả tốt. Do đó, thời gian tới, cần phải tiếp tục phát huy truyền bá tinh thần từ bi và nhân ái của Phật giáo trở thành động lực thúc đẩy đoàn kết cộng đồng hơn nữa.

Kết luận

Trải qua hàng nghìn năm đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo đã thấm sâu vào đời sống tinh thần của người Việt, trở thành một bộ phận quan trọng trong nền tảng văn hóa dân tộc. Với hệ thống giáo lý giàu tính nhân văn, đề cao lòng từ bi, hỷ xả, trí tuệ và sự hòa hợp, Phật giáo không chỉ góp phần hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam mà còn bồi đắp những giá trị cốt lõi của con người Việt: nhân ái, nghĩa tình, khoan dung, trung tín, tinh thần vị tha và ý thức cộng đồng.

Trong bối cảnh kỷ nguyên mới với những biến động sâu sắc về kinh tế, chính trị, xã hội và sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0 và trí tuệ nhân tạo, việc phát huy tinh thần Phật giáo càng trở nên cần thiết. Đây không chỉ là giải pháp để củng cố nền tảng đạo đức, nhân cách con người Việt Nam, mà còn là phương thức bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trước những thách thức của thời đại.

Phát huy tinh thần Phật giáo trong xây dựng văn hóa và con người Việt Nam đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa kế thừa và đổi mới: kế thừa những giá trị đạo đức, triết lý sống đã được chứng nghiệm qua lịch sử; đồng thời đổi mới nội dung, phương thức truyền tải để phù hợp với đặc điểm xã hội hiện đại. Sự tham gia đồng bộ của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các thiết chế văn hóa, giáo dục và toàn thể cộng đồng sẽ là nhân tố quyết định để tinh thần Phật giáo thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ đó có thể khẳng định, Phật giáo với tinh thần từ bi và trí tuệ không chỉ là di sản tinh thần quý giá của dân tộc, mà còn là “ngọn đuốc” soi sáng con đường

xây dựng con người Việt Nam giàu nhân văn, bản lĩnh và trí tuệ, sẵn sàng hội nhập nhưng vẫn giữ vững bản sắc trong kỷ nguyên mới của đất nước.

Chú thích:

* Phó Chủ tịch HĐTS T.Ư Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Dương Phú Hiệp (2010), Quan niệm về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 1/2010, tr. 41

[2] Đinh Giang (2022), Giá trị văn hóa với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực thực hiện khát vọng phát triển đất nước, Tạp chí Cộng sản ngày 29/8/2022, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825804/gia-tri-van-hoa-voi-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien%2C-dam-da-ban-sac-dan-toc%2C-tao-dong-luc-thuc-hien-khat-vong-phat-trien-dat-nuoc.aspx

[3] Lê Mạnh Thát (2023), Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế (544) Tập 1, Nxb. Đồng Nai, tr. 97 – 98.

[4] Đức Hiền (biên soạn) (2009), Dhammapada Kinh Pháp Cú (Phân tích từ ngữ Pali), Nxb. Tôn giáo, tr. 177.

[5] Trí tuệ Bồ tát là những người kiên trì tinh tấn chuyên cần trên con đường phát triển trí tuệ và hành thiện; Tín đức Bồ tát đặt trọn niềm tin chân thành, với niềm tin nơi Tam bảo như người bạn đồng hành trung tín, có hành lễ bái, thờ phụng; Tinh tấn Bồ tát luôn làm việc không ngừng, không chán nhưng không ham nmuons, không bám vào danh thơm tiếng tốt, thản nhiên trước lời tán dương hay khiển trách.

[6] Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2019), Đức Phật và Phật pháp (Phạm Kim Khánh dịch), Nxb. Tôn giáo, tr. 580 – 581.

[7] Theo bản dịch của Lê Mạnh Thát (2023), xem thêm: Lê Mạnh Thát (2023), Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế (544) Tập 1, Nxb. Đồng Nai, tr. 99.

[8] Hoàng Đức Thắng (Thích Minh Trí) (2012), Quan hệ giữa Nhà nước Quân chủ Lý, Trần với Phật giáo, Luận án Tiến sĩ khoa học lịch sử, trường ĐH KHXH & NV, Hà Nội, tr.52.

[9] Nguyễn Lang (1994), Việt Nam Phật giáo sử luận, NXB Văn Hóa, Hà Nội, tr. 178.

[10] Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga (dịch) (1990), Thiền Uyển Tập Anh, NXB Văn Học, Hà Nội, tr. 47.

[11] Nguyễn Duy Hình (1999), Tuệ trung, nhân sĩ, thượng sĩ, thi sĩ, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 21.

[12] Xem thêm: Vũ Trọng Hùng (2022), Những Nhà sư xả thân vì độc lập dân tộc và hạnh phúc Nhân dân (1945 – 1975), Tạp chí Văn hóa Phật giáo số 394, tr. 29 – 34.

[13] Thích Hải Ấn (2008), Vua Trần Nhân Tông và tinh thần “*Bụt ở trong nhà*” [online], báo điện tử Giác Ngộ, <https://giacngo.vn/vua-tran-nhan-tong-va-tinh-than-but-o-trong-nha-post1987.html>, truy cập ngày 18/12/2023.

[14] Thích Thông Thức (2018), Lập trường dân tộc của nhập thế Phật giáo thời Lý – Trần, In: Thích Nhật Từ (Biên tập) (2018), Lãnh đạo Chánh niệm và Hòa bình, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, tr. 497.

[15] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận, NXB Văn hóa, Hà Nội, tr. 325.

[16] Viện khoa học xã hội Việt Nam (1993), Đại việt sử ký toàn thư, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 167.

[17] Thích Thiện Nhơn (2020), Hoạt động từ thiện xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế, trong: Hòa thượng, TS. Thích Thanh Điện, Thượng tọa, TS. Thích Đức Thiện, Đại đức Thích Đạo Thịnh, TS. Nguyễn Văn Tuân (Đồng chủ biên), Một số hoạt động Phật sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế, Nxb. Tôn Giáo, tr. 11.

Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Giang (2022), Giá trị văn hóa với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực thực hiện khát vọng phát triển đất nước, Tạp chí Cộng sản ngày 29/8/2022, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825804/gia-tri-van-hoa-voi-xay-dung-nen-van-hoa-viet-nam-tien-tien%2C-dam-da-ban-sac-dan-toc%2C-cao-dong-luc-thuc-hien-khat-vong-phat-trien-dat-nuoc.aspx

2. Đức Hiền (biên soạn) (2009), Dhammapada Kinh Pháp Cú (Phân tích từ ngữ Pali), Nxb. Tôn giáo.
3. Dương Phú Hiệp (2010), Quan niệm về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 1/2010.
4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2019), Đức Phật và Phật pháp (Phạm Kim Khánh dịch), Nxb. Tôn giáo.
5. Hoàng Đức Thắng (Thích Minh Trí) (2012), Quan hệ giữa Nhà nước Quân chủ Lý, Trần với Phật giáo, Luận án Tiến sĩ khoa học lịch sử, trường ĐH KHXH & NV, Hà Nội.
6. Lê Mạnh Thát (2023), Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế (544) Tập 1, Nxb. Đồng Nai.
7. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga (dịch) (1990), Thiền Uyển tập anh, Nxb. Văn Học, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Hinh (1999), Tuệ Trung, nhân sĩ, thượng sĩ, thi sĩ, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Lang (1994), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội.
10. Thích Hải Ấn (2008), Vua Trần Nhân Tông và tinh thần “*Bụt ở trong nhà*” [online], báo điện tử Giác Ngộ, <https://giacngo.vn/vua-tran-nhan-tong-va-tinh-than-but-o-trong-nha-post1987.html>.
11. Thích Thiện Nhơn (2020), Hoạt động từ thiện xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế, trong: Hòa thượng, TS. Thích Thanh Điện, Thượng tọa, TS. Thích Đức Thiện, Đại đức Thích Đạo Thịnh, TS. Nguyễn Văn Tuân (Đồng chủ biên), Một số hoạt động Phật sự góp phần đảm bảo an sinh xã hội trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế, Nxb. Tôn Giáo.
12. Thích Thông Thức (2018), Lập trường dân tộc của nhập thế Phật giáo thời Lý – Trần, In: Thích Nhật Từ (Biên tập) (2018), Lãnh đạo Chánh niệm và Hòa bình, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
13. Viện khoa học xã hội Việt Nam (1993), Đại việt sử ký toàn thư, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Vũ Trọng Hùng (2022), Những Nhà sư xả thân vì độc lập dân tộc và hạnh phúc Nhân dân (1945 – 1975), Tạp chí Văn hóa Phật giáo số 394.

Tác giả: **TS. Thích Thanh Điện***